

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2025

“V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Y B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà H M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà H N trình bày:*

Bà H N và ông Y B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/03/2004 tại UBND xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau vào thời gian đầu, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do lỗi

sống không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình, ông Y B thường xuyên uống rượu quậy phá, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Do đó, bà H N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà H N được ly hôn với ông Y B.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung, họ tên là Y M, sinh ngày 15/05/2004 và H C, sinh ngày 31/12/2015. Y M đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con. Sau khi ly hôn, bà H N có nguyện vọng xin nhận quyền nuôi con H C đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Y B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Y B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác, vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.*

** Người làm chứng bà H M trình bày:* Trong quá trình chung sống gần nhà của ông Y B, bà H N, thấy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Y B thường xuyên uống rượu về nhà quậy phá, đập bàn, đập ghế, ảnh hưởng đến đời sống của gia đình và vợ con. Hiện tại con chung đang ở cùng bà H N. Bà H M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị Tòa án cho bà H N và ông Y B được ly hôn với nhau; Về con chung: Giao cho bà H N nuôi con H Chiu Nhi Niê, sinh ngày 31/12/2015 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H N, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly

hôn, nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà H N và ông Y B Niê vào ngày 12/03/2004 tại UBND xã E, huyện M trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Qua lời khai của nguyên đơn và người làm chứng thì trong quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Y B thường xuyên sử dụng chất kích thích (uống rượu bia) đập phá đồ đạc, đánh đập bà H N, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đã từ lâu vợ chồng ông Y B, bà H N không còn sống chung với nhau.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H N là có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà H N được ly hôn với ông Y B.

[3] Về con chung: Bà H N và ông Y B có 02 con chung họ tên là Y M, sinh ngày 15/05/2004 và H C, sinh ngày 31/12/2015. Y M đã đủ 18 tuổi, không còn phụ thuộc gia đình, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Hiện tại bà H N đang nuôi con H C. Sau khi ly hôn H C có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, vì mẹ là người thường xuyên quan tâm, chăm sóc. Xét thấy yêu cầu của bà H N và nguyện vọng của con chung là chính đáng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt cho con HĐXX cần tiếp tục giao con cho bà H N nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng, về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H N được ly hôn với ông Y B.

2. Về con chung: Giao con H C, sinh ngày 31/12/2015 cho bà H N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà H N là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã E, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Võ Đức Hợi